



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
THƯƠNG MẠI LABECO**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 27



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 27 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/07/2024 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 19.999.340.000 đồng.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thành Phố Tân An, Tỉnh Long An.
- Điện thoại: (84) 0272. 3825094
- Mail: sachtbthla@gmail.com

### Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Kinh doanh thương mại.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 06 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 05 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |              |                              |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Trương Thanh Minh | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 20/05/2024     |
|                         | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024     |
| • Ông Trần Việt Thắng   | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 29/11/2023     |
|                         |              | Miễn nhiệm ngày 20/05/2024   |
|                         | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 20/05/2024 |
| • Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú  | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 25/11/2023     |
| • Bà Bùi Thị Vân Anh    | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024     |
| • Bà Phan Thị Diệu Hằng | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024     |

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- |                         |            |  |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Bùi Quốc Hưng     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024                                   |
| • Bà Đào Thị Kim Oanh   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024                                   |
| • Ông Nguyễn Công Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024                                   |
| • Ông Nguyễn Văn Ngòi   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021<br>Miễn nhiệm ngày 30/03/2024 |

### *Ban Kiểm soát*

- |                         |                          |  |
|-------------------------|--------------------------|--|
| • Ông Cao Văn Băng      | Trưởng ban<br>Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2024<br>Bổ nhiệm ngày 30/03/2024       |
| • Ông Đồng Hải Nam      | Trưởng ban               | Bổ nhiệm ngày 14/05/2022<br>Miễn nhiệm ngày 30/03/2024     |
| • Bà Nguyễn Thị Thu     | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024                                   |
| • Bà Tống Thị Thanh Nga | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024                                   |
| • Ông Trần Minh Đức     | Thành viên               | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021<br>Miễn nhiệm ngày 30/03/2024 |
| • Ông Ngô Văn Minh      | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 28/04/2021<br>Miễn nhiệm ngày 30/03/2024     |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                           |                        |  |
|---------------------------|------------------------|--|
| • Bà Đào Thị Kim Oanh     | Giám đốc               | Bổ nhiệm ngày 24/06/2024                                   |
| • Ông Ngô Văn Minh        | Giám đốc               | Bổ nhiệm ngày 19/03/2024<br>Miễn nhiệm ngày 24/06/2024     |
| • Ông Nguyễn Văn Ngòi     | Giám đốc               | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023<br>Miễn nhiệm ngày 19/03/2024 |
| • Ông Bùi Văn Huỳnh       | Phó Giám đốc           | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023                               |
| • Bà Lê Thị Minh Trang    | Phó Giám đốc           | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023                               |
| • Bà Nguyễn Minh Hương    | Giám đốc tài chính     | Bổ nhiệm ngày 19/01/2024                                   |
| • Bà Trần Thị Thanh Hương | Phó Giám đốc tài chính | Bổ nhiệm ngày 10/05/2023<br>Miễn nhiệm ngày 28/02/2024     |
| • Bà Phạm Thị Thu Phương  | Kế toán trưởng         | Bổ nhiệm ngày 24/06/2024                                   |
| • Bà Nguyễn Thị Ngọc Nở   | Kế toán trưởng         | Bổ nhiệm ngày 05/04/2024<br>Miễn nhiệm ngày 24/06/2024     |



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Bà Trần Thị Thúy Linh Kế toán trưởng Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023  
Miễn nhiệm ngày 19/03/2024

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Trần Việt Thắng**

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

10/08/2024



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL  
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 956/2024/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 12/08/2024 của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Labeco (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 27 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC  
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC  
Đ. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:  
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Chi nhánh tại Hà Nội:  
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Ngày 30 tháng 06 năm 2024**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.361.075.709</b>	<b>21.629.346.706</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>473.020.341</b>	<b>556.731.749</b>
1. Tiền	111	5	473.020.341	556.731.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>5.648.984.270</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	5.812.230.640
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(163.246.370)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.370.679.100</b>	<b>515.253.214</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.232.689.126	141.535.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.900.000.000	77.517.433
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	237.989.974	296.200.052
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>28.942.347.214</b>	<b>14.827.740.588</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.942.347.214	14.827.740.588
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>575.029.054</b>	<b>80.636.885</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	94.299.676	80.636.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		480.729.378	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.619.556.074</b>	<b>4.752.173.247</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.456.891.610</b>	<b>4.563.735.116</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.290.252.593	3.482.247.658
- Nguyên giá	222		5.757.086.845	6.209.913.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.466.834.252)	(2.727.666.147)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.166.639.017	1.081.487.458
- Nguyên giá	228		1.681.266.805	1.566.266.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(514.627.788)	(484.779.347)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>99.636.364</b>	<b>99.636.364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		99.636.364	99.636.364
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>63.028.100</b>	<b>88.801.767</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	63.028.100	88.801.767
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.980.631.783</b>	<b>26.381.519.953</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.593.407.513</b>	<b>2.561.353.741</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.563.407.513</b>	<b>2.531.353.741</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	22.256.344.976	1.591.648.505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	130.786.784	36.072.799
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	115.053.141	157.951.319
4. Phải trả người lao động	314		-	730.858.140
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	1.133.997
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.222.612	13.688.981
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	30.000.000	30.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.387.224.270</b>	<b>23.820.166.212</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>23.387.224.270</b>	<b>23.820.166.212</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	19.999.340.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.999.340.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	363.351.953	363.351.953
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	258.207.741	179.928.732
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	2.714.765.690	3.277.545.527
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.089.675.906	1.713.015.349
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(374.910.216)	1.564.530.178
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	18	51.558.886	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.980.631.783</b>	<b>26.381.519.953</b>



Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	40.600.455.028	43.790.303.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	659.924.836	98.055.496
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		39.940.530.192	43.692.247.936
4. Giá vốn hàng bán	11	21	36.863.750.960	39.878.961.684
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>3.076.779.232</b>	<b>3.813.286.252</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	34.267.404	340.536.750
7. Chi phí tài chính	22	23	78.518.609	77.323.357
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	148.667.613
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	24.a	2.130.440.858	2.377.081.292
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	1.022.384.685	999.521.989
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(120.297.516)</b>	<b>699.896.364</b>
12. Thu nhập khác	31	25	14.405.047	60.974
13. Chi phí khác	32	26	141.790.354	77.771.048
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(127.385.307)</b>	<b>(77.710.074)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(247.682.823)</b>	<b>622.186.290</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	125.668.507	163.637.258
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(373.351.330)</b>	<b>458.549.032</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(374.910.216)	458.549.032
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.558.886	-
21. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	70	28	(187)	213
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	(187)	213



Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(247.682.823)	622.186.290
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10;11	188.290.135	190.353.564
- Các khoản dự phòng	03		(163.246.370)	457.928.119
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22;25	132.266.076	(3.187.085)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(90.372.982)	1.267.280.888
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.446.155.264)	(7.863.383.301)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.114.606.626)	(8.534.261.666)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.940.289.312	14.883.207.745
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.110.876	(107.239.967)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		5.812.230.640	337.745.622
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(81.437.678)	(88.195.597)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(62.056.981)	(89.298.765)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.970.001.297</b>	<b>(194.145.041)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(5.106.407.949)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(50.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	2.695.244	3.187.085
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.103.712.705)</b>	<b>(46.812.915)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		50.000.000	-
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(83.711.408)</b>	<b>(240.957.956)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	556.731.749	1.111.663.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>473.020.341</b>	<b>870.705.959</b>



Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 25 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/12/2023 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

Hoạt động tư vấn quản lý; Kinh doanh thương mại.

#### 1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, chuyển giao hoạt động kinh doanh sách và thiết bị trường học cho Công ty con là Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có Công ty con nào bị loại bỏ khỏi quá trình hợp nhất.

Công ty có 01 Công ty con và 01 đơn vị trực thuộc:

Công ty con: Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An.

- Địa chỉ: 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An;
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,5%.

Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh TP Hồ Chí Minh – Công ty CP Đầu tư và Thương mại Labeco

- Địa chỉ: 805 Phạm Văn Đồng, P. Linh Đông, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

##### 4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

##### Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### 4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### 4.1.3 Phương pháp ghi nhận Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc (nguyên vật liệu, hàng hóa) bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	12
Phương tiện vận tải	5 - 10

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	8

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất.

11/2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 4.15 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng.

- Thuế giá trị gia tăng:
  - Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - Thiết bị giáo dục và sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
  - Văn phòng phẩm, ấn phẩm: Áp dụng thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024, Công ty áp dụng mức thuế suất 8% đối với các mặt hàng này theo Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	184.371.731	93.074.559
Tiền gửi ngân hàng	288.648.610	460.357.190
Tiền đang chuyển	-	3.300.000
<b>Cộng</b>	<b>473.020.341</b>	<b>556.731.749</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Hộ kinh doanh Nhà sách Thành Văn	3.089.742.560	-
Nhà sách Trường Tiền	1.304.437.529	65.686.253
Các đối tượng khác	1.838.509.037	75.849.476
<b>Cộng</b>	<b>6.232.689.126</b>	<b>141.535.729</b>

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons (Bên liên quan) (*)	4.890.000.000	-
Công ty CP Thẩm định giá Thành Đô	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	67.517.433
<b>Cộng</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>77.517.433</b>

(\*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons theo hợp đồng thi công xây dựng số 0401/LBE-IC/2024 ngày 04/01/2024 và các phụ lục hợp đồng về thi công xây dựng văn phòng (Đại diện pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons là người có quan hệ gia đình mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty).

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	41.500.000	-	-	-
Phải thu người lao động	184.489.974	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	12.000.000	-	2.200.000	-
Các khoản khác	-	-	294.000.052	-
<b>Cộng</b>	<b>237.989.974</b>	<b>-</b>	<b>296.200.052</b>	<b>-</b>

### 9. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	28.942.347.214	-	14.827.740.588	-
<b>Cộng</b>	<b>28.942.347.214</b>	<b>-</b>	<b>14.827.740.588</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2024.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2024.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	4.383.330.962	356.791.733	1.469.791.110	6.209.913.805
Mua sắm trong kỳ	10.967.281	17.546.268	72.894.400	101.407.949
Thanh lý, nhượng bán	264.953.639	-	-	264.953.639
Giảm trong kỳ	289.281.270	-	-	289.281.270
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.840.063.334</b>	<b>374.338.001</b>	<b>1.542.685.510</b>	<b>5.757.086.845</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.794.197.453	148.663.199	784.805.495	2.727.666.147
Khấu hao trong kỳ	85.497.874	15.465.891	57.477.929	158.441.694
Giảm trong kỳ	289.281.270	-	-	289.281.270
Thanh lý, nhượng bán	129.992.319	-	-	129.992.319
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.460.421.738</b>	<b>164.129.090</b>	<b>842.283.424</b>	<b>2.466.834.252</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	2.589.133.509	208.128.534	684.985.615	3.482.247.658
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.379.641.596</b>	<b>210.208.911</b>	<b>700.402.086</b>	<b>3.290.252.593</b>

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ tại ngày 30/06/2024.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 809.415.736 đồng.

(\*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023 đã chấp nhận giao các Bất động sản của Công ty cho Công ty con là Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn bàn giao: 10 năm kể từ ngày bàn giao. Theo đó, ngày 31/12/2023, Công ty đã tiến hành bàn giao các tài sản sau cho Công ty con:

- Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An.
- Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An.

Tên tài sản	01/01/2024		Khấu hao trong kỳ	30/06/2024	
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế
Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng	1.948.669.031	1.088.566.381	29.321.681	1.659.387.761	828.606.792
Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực	1.850.666.804	339.288.913	37.013.336	1.850.666.804	376.302.249
Nhà làm việc tại Cửa hàng Châu Thành	418.351.854	333.213.515	10.642.292	418.351.854	343.855.807
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.217.687.689</b>	<b>1.761.068.809</b>	<b>76.977.310</b>	<b>3.928.406.419</b>	<b>1.548.764.849</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.410.266.805	156.000.000	1.566.266.805
Mua trong kỳ	-	115.000.000	115.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.410.266.805</b>	<b>271.000.000</b>	<b>1.681.266.805</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	434.404.347	50.375.000	484.779.347
Khấu hao trong kỳ	14.108.856	15.739.585	29.848.441
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>448.513.203</b>	<b>66.114.585</b>	<b>514.627.788</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	975.862.458	105.625.000	1.081.487.458
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>961.753.602</b>	<b>204.885.415</b>	<b>1.166.639.017</b>

(\*) Quyền sử dụng 903,3 m2 đất tại Thị trấn Tầm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An thời hạn sử dụng đất đến ngày 10/01/2058. Mục đích: mở cửa hàng sách, thiết bị trường học. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã thực hiện bàn giao cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (Công ty con) để quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn bàn giao: 10 năm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	48.979.935	12.297.879
Chi phí bảo trì phần mềm kế toán	12.825.756	15.583.323
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ khác	32.493.985	52.755.683
<b>Cộng</b>	<b>94.299.676</b>	<b>80.636.885</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	63.028.100	57.768.434
Chi phí trả trước khác	-	31.033.333
<b>Cộng</b>	<b>63.028.100</b>	<b>88.801.767</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam - CN tại TP Hồ Chí Minh	9.974.043.410	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	6.787.202.695	498.647.134
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.476.255.760	-
Các đối tượng khác	3.018.843.111	1.093.001.371
<b>Cộng</b>	<b>22.256.344.976</b>	<b>1.591.648.505</b>

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Nhà sách Anh Thư	56.065.600	-
Công ty TNHH Văn phòng phẩm Thành Trung	32.373.180	-
Các đối tượng khác	42.348.004	36.072.799
<b>Cộng</b>	<b>130.786.784</b>	<b>36.072.799</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	62.635.890	646.460.004	709.095.894	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	70.555.178	125.668.507	81.437.678	-	114.786.007
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.760.251	6.577.264	31.070.381	-	267.134
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	41.769.533	41.769.533	-	-
Thuế môn bài	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.985.970	3.985.970	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>157.951.319</b>	<b>835.461.278</b>	<b>878.359.456</b>	<b>-</b>	<b>115.053.141</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 16. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	11.000.000.000	3.850.797.710	3.346.488.559	4.248.488.866
Tăng trong năm	8.999.340.000	-	107.242.215	1.564.530.178
Giảm trong năm	-	3.487.445.757	3.273.802.042	2.535.473.517
Số dư tại 31/12/2023	<u>19.999.340.000</u>	<u>363.351.953</u>	<u>179.928.732</u>	<u>3.277.545.527</u>
Số dư tại 01/01/2024	19.999.340.000	363.351.953	179.928.732	3.277.545.527
Tăng trong kỳ	-	-	78.279.009	(374.910.216)
Giảm trong kỳ	-	-	-	187.869.621
Số dư tại 30/06/2024	<u>19.999.340.000</u>	<u>363.351.953</u>	<u>258.207.741</u>	<u>2.714.765.690</u>

#### b. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.999.934	1.999.934
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

#### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	3.277.545.527	4.248.488.866
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	(374.910.216)	458.549.032
Phân phối lợi nhuận	187.869.621	2.535.473.517
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	187.869.621	2.535.473.517
- Trích quỹ đầu tư phát triển	78.279.009	107.242.215
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	109.590.612	150.139.101
- Chia cổ tức	-	2.278.092.201
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<u>2.714.765.690</u>	<u>2.171.564.381</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 18/NQ-STBTH ngày 30/03/2024.

### 18. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	30/06/2024	01/01/2024
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát ngày đầu kỳ	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	51.558.886	-
- Tăng tại ngày góp vốn	50.000.000	-
- Tăng từ kết quả kinh doanh	1.558.886	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.558.886</b>	<b>-</b>

### 19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu Sách giáo khoa và Sách tham khảo	37.664.994.970	37.896.884.170
Doanh thu thiết bị giáo dục	522.340.868	1.077.019.195
Doanh thu khác	2.413.119.190	4.816.400.067
<b>Cộng</b>	<b>40.600.455.028</b>	<b>43.790.303.432</b>

### 20. Giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Hàng bán bị trả lại	659.924.836	98.055.496
<b>Cộng</b>	<b>659.924.836</b>	<b>98.055.496</b>

### 21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn sách giáo khoa và sách tham khảo	35.175.020.588	34.868.039.169
Giá vốn thiết bị giáo dục	459.777.565	903.378.947
Giá vốn khác	1.228.952.807	4.107.543.568
<b>Cộng</b>	<b>36.863.750.960</b>	<b>39.878.961.684</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	595.244	1.087.085
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.100.000	2.100.000
Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được, lãi từ bán chứng khoán	31.572.160	337.349.665
<b>Cộng</b>	<b>34.267.404</b>	<b>340.536.750</b>

**23. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí lãi vay	-	148.667.613
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(163.246.370)	(71.344.256)
Lỗ từ bán chứng khoán	241.764.979	-
<b>Cộng</b>	<b>78.518.609</b>	<b>77.323.357</b>

**24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	1.136.376.947	1.405.792.538
Chi phí khác	994.063.911	971.288.754
<b>Cộng</b>	<b>2.130.440.858</b>	<b>2.377.081.292</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	394.215.816	468.066.150
Các khoản khác	628.168.869	531.455.839
<b>Cộng</b>	<b>1.022.384.685</b>	<b>999.521.989</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 25. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Công dân sách	11.150.278	
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	118.207	60.974
Thu nhập khác	3.136.562	-
<b>Cộng</b>	<b>14.405.047</b>	<b>60.974</b>

### 26. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Xử lý giá trị còn lại tại Cửa hàng Cần Giuộc	134.961.320	-
Truy thu thuế, phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	6.785.970	247.410
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	43.064	23.638
Các khoản khác	-	77.500.000
<b>Cộng</b>	<b>141.790.354</b>	<b>77.771.048</b>

### 27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(373.351.330)	458.549.032
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(32.098.432)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	32.098.432
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(373.351.330)	426.450.600
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.999.934	1.999.934
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(187)</b>	<b>213</b>

### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	1.530.592.763	1.873.858.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.290.135	190.353.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	835.792.916	780.935.190
Chi phí khác bằng tiền	628.168.869	531.455.839
<b>Cộng</b>	<b>3.182.844.683</b>	<b>3.376.603.281</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Long An, Việt Nam.

### 30. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá Công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các mặt hàng hóa phục vụ giáo dục này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các phòng giáo dục, cửa hàng, đại lý kinh doanh sách và thiết bị trường học. Đây là các khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời. Riêng các cửa hàng bán lẻ của Công ty bán hàng thu tiền ngay. Do đó Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	22.256.344.976	-	22.256.344.976
Phải trả khác	-	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.256.344.976</b>	<b>30.000.000</b>	<b>22.286.344.976</b>

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.591.648.505	-	1.591.648.505
Phải trả khác	-	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.591.648.505</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.621.648.505</b>

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	473.020.341	-	473.020.341
Phải thu khách hàng	6.232.689.126	-	6.232.689.126
Phải thu khác	237.989.974	-	237.989.974
<b>Cộng</b>	<b>6.943.699.441</b>	<b>-</b>	<b>6.943.699.441</b>

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	556.731.749	-	556.731.749
Đầu tư tài chính	5.648.984.270	-	5.648.984.270
Phải thu khách hàng	141.535.729	-	141.535.729
Phải thu khác	296.200.052	-	296.200.052
<b>Cộng</b>	<b>6.643.451.800</b>	<b>-</b>	<b>6.643.451.800</b>

### 31. Các bên liên quan

#### a. Thông tin về bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Doanh nghiệp có người đại diện pháp luật là người có quan hệ gia đình với thành viên quản lý chủ chốt

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Ứng tiền xây dựng	4.890.000.000	-

### 32. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan				6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Ông Trương Thanh Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/05/2024	Thù lao	-	-
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/05/2024	Thù lao	12.000.000	24.000.000
	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 20/05/2024			
Ông Nguyễn Văn Ngòi	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	6.000.000	12.000.000
	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	48.190.075	90.574.904
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT		Thù lao	12.000.000	-
Bà Bùi Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Bà Phan Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	-	-
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Cao Văn Băng	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Đồng Hải Nam	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	4.500.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Bà Tống Thị Thanh Nga	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Trần Minh Đức	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	3.000.000	6.000.000
Ông Ngô Văn Minh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	-	-
		Miễn nhiệm ngày 24/06/2024			
	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	3.000.000	6.000.000
Ông Bùi Văn Huỳnh	Phó Giám đốc		Lương, thưởng	14.974.826	84.470.984
Bà Lê Thị Minh Trang	Phó Giám đốc		Lương, thưởng	12.223.919	62.943.476
Bà Nguyễn Minh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 19/01/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Trần Thị Thanh Hường	Phó Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nở	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05/04/2024	Lương, thưởng	-	-
		Miễn nhiệm ngày 24/06/2024			
Bà Trần Thị Thúy Linh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	43.119.816	81.097.790

(\*) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty thống nhất không nhận thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Quý 2 năm 2024.

### 33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



**Đã Chủ tịch HĐQT**

**Trần Việt Thắng**

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Thu Phương**

**Người lập biểu**

**Phạm Thị Thu Phương**